

Số: 14/GPMT-UBND

TP, Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
tại Công văn số 171/CV-CNSL ngày 12/03/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi
trường của Trạm Viện 6 - Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ
trình số 323/TTr-TNMT ngày 24/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La, địa chỉ: Số 55,
đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được thực
hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trạm Viện 6 thuộc Xí nghiệp cấp
nước thành phố số 2” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên cơ sở, dự án đầu tư: Trạm Viện 6 thuộc Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 10, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La,
Tỉnh Sơn La.
- 1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở Xử lý sản xuất nước
cấp sinh hoạt.
- 1.4. Phạm vi quy mô, công suất
 - Phạm vi quy mô: Dự án nằm trong khuôn viên có diện tích 335 m².
 - Công suất: 1.400 m³ nước sạch/ngày/đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp (từ ngày 24/4/2024 đến ngày 24/4/2034).

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sơn La tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./..

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử UBND thành phố Sơn La;
- Lưu: VT, TNMT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sản xuất, phát sinh lớn nhất $16\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt, phát sinh lớn nhất $0,1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước chung và ruộng lúa tại khu vực tổ 10, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Bên ngoài trạm).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải của dự án được thu gom và tập trung chảy về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó chảy vào rãnh thoát nước chung và ruộng lúa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 kinh tuyến trực 104^0): X= 2356012; Y=494875.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là $16,1\text{m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả thải

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Chế độ xả thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường của dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B - C_{max} với $K = 1,2$; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng $C_{\text{max}} = c$.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B – C	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

- Nước thải sản xuất: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp Cột B quy định giá trị c của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Giá trị c được áp dụng tại cột A để làm cơ sở tính toán. K_q = 0,9 Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương. (K_f = 1,2 Lưu lượng nguồn thải F < 50). Đối với thông số màu, pH, coliform C_{max} = c.

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40: 2011/BTNMT Cột B-C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Màu	Pt/Co	162	
2	pH	-	5,5-9	
3	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	54	02 lần/năm
4	COD	mg/l	162	

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40: 2011/BTNMT Cột B-Cmax	Tần suất quan trắc định kỳ
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	
6	Asen	mg/l	0,108	
7	Đồng	mg/l	2,16	
8	Kẽm	mg/l	3,24	
9	Niken	mg/l	0,54	02 lần/năm
10	Mangan	mg/l	1,08	
11	Sắt	mg/l	5,4	
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
13	Tổng nitơ	mg/l	43,2	
14	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,48	
15	Coliform	vi khuẩn/l	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom qua hệ thống máng thu trên mái nhà chảy xuống sân theo chiều nghiêng của mặt sân, chảy vào hố thu nước, với kích thước hố thu có đường kính (BxLxH) = 0,3x0,4x0,4, đáy bằng bê tông đá 1- 2 Mac 150, sau đó chảy qua tuyến ống D 160 có chiều dài 10m được xả ra ngoài môi trường. Tuyến ống với các hố ga có song chắn rác để thu rác và cặn lắng, có nắp đậy, thường xuyên được nạo vét để tránh rác dòng chảy. Hệ thống thoát nước được thiết kế kết hợp lý và dòng thải này được xem là dòng sạch nên được thoát ra ngoài khu vực không cần xử lý

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Trạm cấp nước, được thu gom ngay tại nhà vệ sinh riêng của trạm và đưa vào hệ thống bể phốt 3 ngăn qua các hệ thống ống dẫn D 110 để xử lý sơ bộ, sau đó được chảy qua đường ống D 110 thải ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ các công đoạn xử lý nước của hệ thống xử lý, toàn bộ lượng nước thải sẽ được thu gom qua rãnh bê tông kích thước bể có đường kính (BxLxH) = (1,5x2,7x1,6). Bể Nước thải sau khi xử lý theo đường ống PVC có đường kính D = 110 mm được đặt dưới mặt đất chảy theo rãnh nước được xây Đáy bể bằng BTCT M200, lát vữa M75, Sau đó qua song chắn rác, nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được dẫn qua rãnh và thải ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Tại cơ sở xây dựng 1 bể tự hoại thể tích 5 m³ kích thước mỗi bể (2,5m x 2m x 1m) tại khu vực nhà điều hành và khu vực nhà trực của cán bộ, công nhân viên trạm cấp nước. Kết cấu của bể tự hoại: Đáy bể bằng BTCT Mác 250 dày 25 cm; tường xây bằng gạch Tuynel dày 22 cm, VXM Mác 100; trát tường vữa Mác 150; nắp bằng BTCT dày 20 cm, VXM Mác 250.

- Công trình xử lý nước thải sản xuất: Bể xử lý nước thải sản xuất gồm 3 ngăn, kích thước (BxLxH) = (1,5x2,7x1,6). Với bể lắng nước thải sản xuất các tấm ngăn được đặt thích hợp có vai trò tách các chất rắn lơ lửng trong nước, các chất khác được lắng xuống khoang chứa bùn và phân hủy sinh học. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn theo rãnh thoát nước thải chảy ra ngoài qua rãnh hở và kín. Hệ thống xử lý nước thải hoàn toàn đáp ứng xử lý nước thải sản xuất trước khi thải ra môi.

- Hóa chất sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị rò rỉ, tắc nghẽn: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải của trạm cấp nước xem có bị rò rỉ hay tắc nghẽn không. Phát hiện hệ thống bị rò rỉ hoặc tắc nghẽn tiến hành khắc phục ngay lập tức bằng các phương tiện, thiết bị có sẵn ở cơ sở và địa phương. Giảm thiểu các hoạt động có phát sinh nước thải đến điểm xảy ra sự cố. Báo cáo với chính quyền địa phương về việc xảy ra sự cố và sẵn sàng thực hiện các hoạt động khắc phục, bồi thường đối với sự cố môi trường gây ra bởi cơ sở.

- Ứng phó sự cố hiệu quả xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường: Trong trường hợp phát hiện các sự cố ô nhiễm trong quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất của trạm cấp nước, biểu hiện như nước thải sau bể lắng vẫn có màu đục, hàm lượng chất rắn lơ lửng vượt giới hạn cho phép của Quy chuẩn hiện hành. Thực hiện các hoạt động giảm hoặc ngừng hoạt động phát sinh nước thải để kiểm tra hoạt động của bể lắng. Biện pháp xử lý: Giảm lượng nước thải phát sinh để tăng thời gian lưu chứa nước trong bể lắng tăng hiệu quả lắng. Tiến hành nạo vét lượng bùn, cặn có trong bể lắng để tăng hiệu quả lắng. Trường hợp cần thiết có thể bổ sung thêm chất trợ lắng như phèn hoặc PAC có sẵn tại cơ sở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước. 2

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Bình lọc áp lực.
- Nguồn số 02: Trạm bơm cấp nước.

2. Tiếng ồn, độ rung:

phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Tiếng ồn

TT		Đơn vị	QCVN 26: 2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26: 2010/BTNMT (từ 21h-6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

Độ rung

TT		Đơn vị	QCVN 27: 2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27: 2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dB	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp.
- Những khu vực để thiết bị, máy móc có độ ồn, độ rung lớn được bố trí trong phòng kín có tường gạch dày để tăng hiệu quả cách âm của thiết bị.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Tiếp tục trồng nhiều cây xanh xung quanh trạm cấp nước, các bãi trồng để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra bên ngoài cơ sở đồng thời còn tạo thẩm mỹ và cảnh quan môi trường. Tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh trong cơ sở từ 20 - 40% trở lên.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc.

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (thiết bị chống ồn) cho công nhân tại cơ sở.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg)/năm	Biện pháp lưu giữ	Phương pháp xử lý	Ghi chú
Hóa chất thí nghiệm test nhanh	191001	2	Đựng trong can dán nhãn	Thu gom thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển và xử lý	Dạng lỏng
Tổng		2			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Chủng loại chất thải rắn	Khối lượng
1	Bùn thải	100 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 15kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Can chứa có nắp kín để lưu chứa chất thải nguy hại. Các can chứa có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa:* Lưu chứa ở khu vực có mái che, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Định kỳ 2 tuần/ 1 lần công nhân Trạm cấp nước sẽ thực hiện nạo vét, làm sạch hệ thống lắng. Lượng bùn thải này được tận dụng làm đất màu bón cho cây trồng trong khuôn viên Trạm cấp nước.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 24/4/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La)

- Đảm bảo về độ trung thực, chính xác các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Thực hiện chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là rãnh thoát nước chung của khu vực.
- Cam kết đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật trường hợp gây ra sự cố môi trường.
- Cam kết trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường, chủ cơ sở có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan đến dự án.
- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.
- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện khi dự án đi vào vận hành chính thức.
- Cam kết hạn chế đến mức tối đa việc phát sinh bụi, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của nhân dân.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của cơ sở theo quy định của pháp luật./.